

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2024/DS-ST**

Ngày: 31 - 01 - 2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, KIÊN GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Tám

2. Ông Huỳnh Phước Tỷ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng:* Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2023/TLST- DS, ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXX-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Thanh B, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp Cây Bàng, xã Vĩnh H, huyện U Minh T, tỉnh Kiên G (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn P, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Ấp Vĩnh Hưng, xã Hòa C, huyện U Minh T, Kiên G (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Thanh B trình bày:

Ngày 05/07/2021 âm lịch (Nhằm ngày 12/08/2021 dương lịch) ông Lê Văn P (Sau đây gọi tắt là ông P) có vay của ông Lê Thành B (Gọi tắt là ông B)

số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Hai bên thỏa thuận lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, bằng 6.000.000đ/tháng. Thời hạn vay đến tháng 12/2021 âm lịch ông P sẽ trả gốc cho ông B, còn nợ lãi 10 ngày ông P sẽ trả ông B một lần, bằng số tiền 2.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay ông P có đóng tiền lãi cho ông B được số tiền 2.000.000 đồng.

Ông B yêu cầu ông P trả tiền vay còn thiếu, với nợ gốc là 40.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 12/08/2021 đến khi Tòa án xét xử.

Bị đơn ông Lê Văn P trình bày: Ông P thừa nhận lời trình bày của ông B là đúng. Ngày 05/07/2021 âm lịch, ông có vay tiền của ông B là 40.000.000 đồng, hiện còn nợ ông B gốc là 40.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền 40.000.000 đồng này ông P nhận từ bà Phạm Thị Hồng (Bà Hồng là bạn của ông B), khi nhận tiền bà Hồng có đưa cho ông P ký Biên nhận nợ ngày 05/7/2021 âm lịch với nội dung ông P vay tiền của ông B là 40.000.000 đồng, việc này ông P đồng ý, nên ông đồng ý trả cho ông B số tiền 40.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên ông P xin trả cho ông B số tiền 40.000.000 đồng, với hình thức 03 tháng trả 5.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả từ ngày 15/03/2024. Ông P xin ông B không tính tiền lãi suất.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông B không yêu cầu bà Nguyễn Thúy Ph (Vợ ông P) cùng ông P trả nợ cho ông, mà chỉ yêu cầu ông P trả gốc là 40.000.000 đồng. Ông B đồng ý không tính tiền lãi suất đối với ông P, mà yêu cầu ông P trả lần dứt nợ 40.000.000 đồng.

Bị đơn ông P đồng ý trả cho ông B nợ gốc 40.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn về kinh tế nên ông xin trả cho ông B số tiền 40.000.000 đồng, với hình thức 03 tháng trả 5.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả từ ngày 25/02/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn ông P thừa nhận vay ông B số tiền 40.000.000 đồng thông qua bà Phạm Thị Hồng, cũng như ông P trả tiền lãi suất cho ông B thông qua bà

Hồng. Ông P đồng ý trả ông B nợ gốc 40.000.000 đồng, các bên không yêu cầu Tòa án triệu tập bà Hồng. Do đó, Tòa án không đưa bà Hồng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2]. Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Đương sự có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng nên căn cứ theo quy định tại các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa nguyên đơn ông Lê Thanh B với bị đơn ông Lê Văn P là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Cụ thể, nguyên đơn ông B yêu cầu bị đơn ông P trả tiền vay còn thiếu là 40.000.000 đồng.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông B đòi bị đơn ông P trả tiền vay còn thiếu với nợ gốc là 40.000.000 đồng, mà không yêu cầu bà Nguyễn Thúy Ph vợ ông P cùng với ông P trả nợ cho ông B, HĐXX nhận thấy: Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên chấp nhận, HĐXX không xem xét nghĩa vụ của bà Nguyễn Thúy Ph trong vụ án này.

Tại phiên hòa giải ngày 15/12/2023, cũng như tại phiên tòa ông P đều thừa nhận ngày 05/07/2021 âm lịch (Nhằm ngày 12/08/2021 dương lịch) ông có vay ông B số tiền 40.000.000 đồng, hiện còn thiếu ông B gốc 40.000.000 đồng. Ông P đồng ý trả cho ông B số tiền 40.000.000 đồng, nhưng do hiện nay hoàn cảnh của ông P khó khăn về kinh tế nên ông xin trả ông B số tiền 40.000.000 đồng, với hình thức 03 tháng trả 5.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Bắt đầu trả từ ngày 25/02/2024 nhưng phía nguyên đơn ông B không đồng ý, mà yêu cầu bị đơn ông P trả lần dứt nợ 40.000.000 đồng, do khoản nợ này thiếu từ năm 2021 đến nay, bị đơn nhiều lần cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn không thực hiện. Xét thấy về tổng số nợ hai bên đã thống nhất, thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hai bên chỉ còn tranh chấp về phương thức trả nợ.

Bị đơn ông P xin trả ông B số tiền 40.000.000 đồng với hình thức 03 tháng trả ông B 5.000.000 đồng đến khi dứt nợ, nhưng phía nguyên đơn không đồng ý, HĐXX cho rằng: Theo quy định tại mục 1, phần II, Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm

sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: “*Tòa án không tự ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành*”. Do đó, việc ông P xin trả nợ cho ông B với hình thức 03 tháng 5.000.000 đồng là không có cơ sở để HĐXX chấp nhận.

Về phần lãi suất: Do nguyên đơn ông B và bị đơn ông P không yêu cầu xem xét phần tiền lãi suất, nên HĐXX miễn xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của phía nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, số tiền 2.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Lê Thanh B được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0003014 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, Điều 39, Điều 92; Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 280, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh B đối với bị đơn ông Lê Văn P về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

2. Buộc ông Lê Văn P có trách nhiệm trả cho ông Lê Thanh B số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

3. Các bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Khi bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Văn P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Ông Lê Thanh B được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 1.000.000 đồng, theo biên lai thu số 0003014 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân H. UMT;
- Chi cục Thi hành án DS H. UMT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên, đóng dấu)

Danh Hoàng